

Bản án số: 01/2024/HC - PT
Ngày 26 tháng 12 năm 2024
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
và hành vi hành chính về quản lý nhà nước
trong lĩnh vực đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Linh

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quyền, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐ- PT ngày 01 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Diễm T, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Diễm T: Ông Nguyễn Trường T1 là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (Có mặt)

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Hồng Dân

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn T2 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Trí N, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn T3 Nhiều: Bà Trần Diễm T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

- Người kháng cáo: Bà Trần Diễm T là người khởi kiện và ông Nguyễn Trí N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện bà Trần Diễm T đồng thời bà Trần Diễm T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trí N trình bày: Bà và ông Nguyễn Trí N có phần đất diện tích 530,5m² thuộc thửa số 29, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nguồn gốc đất là do ông Nguyễn Trí N nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 29/8/1995. Lúc thực hiện giao dịch mua bán hai bên có lập 01 tờ sang nhượng đất thổ cư vĩnh viễn, có xác nhận của Trưởng ấp T cùng 02 người hàng xóm, có chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N là ông Trần Quốc K vào ngày 24/11/1995. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà và ông N sử dụng diện tích đất nêu trên cho đến nay, do bận việc làm ăn, buôn bán và dạy học nên gia đình bà chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. Từ năm 2018 đến năm 2023, gia đình bà đã nhiều lần liên hệ Ủy ban nhân dân thị trấn N làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất trên nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn N không giải quyết xác nhận nguồn gốc đất của bà.

Đến ngày 11/8/2023 Ủy ban nhân dân thị trấn N ban hành công văn số 05/CVTL – UBND do ông Trương Văn T2 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N ký, trả lời về yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà và ông N, cho rằng phần đất này nằm trên kênh rạch thuộc đất công do Nhà nước quản lý từ trước năm 1975, đến ngày 24/11/1995 ông Nguyễn Văn N1 là cha ruột của ông Nguyễn Trí N có đơn mượn sử dụng môi trường chăn nuôi và được ông Trần Quốc K thời điểm này giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N ký vào đơn chấp nhận cho ông Nguyễn Văn N1 mượn một hầm nuôi cá trong rạch Cầu Kè (thửa đất mà hiện nay ông Nguyễn Trí N xin đăng ký cấp giấy) khi nào nhà trường cần xây dựng thì giao trả lại cho nhà trường. Ngoài ra, Công văn còn nêu nội dung về việc gia đình bà bị xử phạt vi phạm hành chính. Bà T không đồng ý với nội dung Công văn số 05/CVTL – UBND ngày 11/8/2023 của ông Trương Văn T2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N ký. Bởi vì, Công văn này được ban hành không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà, bởi công văn nêu trên xác nhận không đúng về nguồn gốc đất, cho rằng đất này là đất công thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Trong khi đó, nguồn gốc đất này là do gia đình bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tấn C và đổi một phần với trường tiểu học N2, sử dụng liên tục từ năm 1995 cho đến

nay, tại hồ sơ địa chính thị trấn N thành lập năm 2006 thửa 29 có diện tích 584m², đến ngày 18/01/2021 xác minh đo đạc lại là 530,5m² do ông Nguyễn Trí N đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho đối tượng nào. Việc ông Nguyễn Văn N1 có mượn đất hay không thì không liên quan đến diện tích đất mà gia đình bà yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, vì không có việc cùng ngày 24/11/1995 ông N nhận chuyển nhượng phần đất này của ông C thì cùng ngày ông N1 cha ông Nhiều lại làm văn bản mượn đất của địa phương, các văn bản này đều do ông Trần Quốc K nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N ký xác nhận.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Công văn số 05/CVTL – UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N và buộc Ủy ban nhân dân thị trấn N thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật (thực hiện xác nhận đúng nguồn gốc đất cho bà T, để bà T làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bà đã yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn N xác nhận).

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N và người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị trấn N trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 11/7/2024: Ngày 18/3/2019, Ủy ban nhân dân thị trấn N có nhận đơn xin đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Trí N và bà Trần Diễm T, địa chỉ thường trú: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nội dung xin đăng ký, cấp Giấy chứng nhận tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 39, diện tích 375,9m², mục đích trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nguồn gốc đất theo ông N và bà T xác định là do ông Nguyễn Văn N1 là cha ruột của ông Nguyễn Trí N tự khai phá từ năm 1990, đến năm 1995 thì cho lại con là ông Nguyễn Trí N, ông N tiếp tục sử dụng ổn định cho đến nay.

Ngày 06/10/2022, ông Nguyễn Trí N và bà Trần Diễm T tiếp tục gửi hồ sơ xin đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 39, diện tích 530,5m², mục đích trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nguồn gốc đất theo ông N và bà T xác định là do ông Nguyễn Văn N1 là cha ruột của ông Nguyễn Trí N tự khai phá từ năm 1995, đến năm 1996 thì cho lại con là ông Nguyễn Trí N và dâu là bà Trần Diễm T, ông N và bà T tiếp tục sử dụng ổn định cho đến nay.

Ngày 24/7/2023, ông Nguyễn Trí N và bà Trần Diễm T tiếp tục gửi hồ sơ xin đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 39, diện tích 530,5m², mục đích trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nguồn gốc đất theo ông N và bà T xác định là do ông Nguyễn Tấn C chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trí N và bà Trần Diễm T tại thửa số 510, tờ bản đồ số 02 diện tích 750m² vào ngày 29/8/1995, đến năm 2007 Ủy ban nhân dân huyện H cấp đổi lại thành thửa số 30, tờ bản đồ số 39 diện tích 316,9m², ông N và bà T xác định diện tích mà ông N và bà T được cấp là thiếu so với nguồn gốc nhận chuyển nhượng là 530,5m², gia đình ông bà đã sử dụng ổn định không tranh chấp.

Qua kiểm tra hồ sơ đăng ký, vị trí thửa đất, hồ sơ địa chính và hồ sơ đất công của thị trấn N có liên quan đến nguồn gốc đất:

Về nguồn gốc đất: Phần đất này là nằm trên kênh rạch thuộc đất công do Nhà nước quản lý từ trước năm 1975. Đến ngày 24/11/1995, ông Nguyễn Văn N1 là cha ruột ông Nguyễn Trí N có đơn mượn sử dụng môi trường chăn nuôi và được ông Trần Quốc K thời điểm này giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N ký vào đơn chấp thuận cho phép ông Nguyễn Văn N1 mượn một hẻm nuôi cá trong rạch Cầu Kè (thửa đất mà hiện nay ông Nguyễn Trí N và bà Trần Diễm T xin kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Khi nào Nhà trường có nhu cầu cần xây dựng thì phải giao trả lại cho Nhà nước.

Năm 2013, ông Nguyễn Trí N cất nhà vi phạm phần đất công do Nhà nước quản lý. Ủy ban nhân dân thị trấn N lập biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 14/3/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn N về việc lấn, chiếm sử dụng xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ của gia đình trên phần đất ao địa thuộc quỹ đất công do Ủy ban nhân dân thị trấn N đang quản lý theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 53/QĐ-XPHC ngày 18/3/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn N.

Quá trình xác minh thực tế: Phần đất ông Nguyễn Trí N và bà Trần Diễm T xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kê khai nguồn gốc không đúng thực tế, do phần đất này là đất công Nhà nước quản lý. Đồng thời công chức địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn N cũng đã nhiều lần hướng dẫn, đề nghị ông N và bà T kê khai nguồn gốc đất đúng thực tế để Ủy ban nhân dân thị trấn N có cơ sở để xác nhận hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T và ông N đúng quy định pháp luật nhưng ông N và bà T không thực hiện đúng theo hướng dẫn.

Nay, bà Trần Diễm T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Công văn số 05/CVTL – UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N và buộc Ủy ban nhân dân thị trấn N thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật (thực hiện xác nhận đúng nguồn gốc đất cho bà T, để bà T làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bà đã yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn N xác nhận). Ông là người bị kiện và là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thị trấn N, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Diễm T, ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Diễm T về việc yêu cầu hủy Công văn số 05/CVTL – UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N và buộc Ủy ban nhân dân thị trấn N thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật (thực hiện xác nhận đúng nguồn gốc đất cho bà T, để bà T làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bà đã yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn N xác nhận).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/9/2024, bà Trần Diễm T là người khởi kiện và ông Nguyễn Trí N là người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Diễm T trình bày ý kiến tranh luận:

Nguồn gốc đất của ông N và bà T là nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tấn C tại thửa số 510, tờ bản đồ số 02 diện tích 750m² vào ngày 29/8/1995, đến năm 2007 Ủy ban nhân dân huyện H cấp đổi lại thành thửa số 30, tờ bản đồ số 39, diện tích 316,9m², ông N và bà T được cấp là thiếu so với nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông C là 530,5m², gia đình ông bà đã sử dụng ổn định không tranh chấp. Ông N bị xử phạt vi phạm hành chính do không làm đơn xin phép xây dựng nhà chứ không phải lấn chiếm đất công của Nhà nước do đó việc Ủy ban nhân dân thị trấn N xử phạt vi phạm hành chính là không đúng. Trong Biên bản xử phạt vi phạm hành chính, ông N chỉ ký tên, không ghi ý kiến nhưng trong Biên bản xử phạt vi phạm hành chính lại ghi thêm việc ông N thừa nhận đất ông đang sử dụng là mượn của Nhà nước và đồng ý giao trả khi nào Nhà nước có yêu cầu. Mặt khác, văn bản số 05/CVTL – UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N được ban hành không đúng quy định của pháp luật và không đủ căn cứ. Trường học có đổi đất với ông N nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ, không lấy lời khai của những người làm chứng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bà T, ông N, sửa bản án sơ thẩm hủy Công văn số 05/CVTL – UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N và buộc Ủy ban nhân dân thị trấn N thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật (thực hiện xác nhận đúng nguồn gốc đất cho bà T, để bà T làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bà đã yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn N xác nhận).

Bà Trần Diễm T đồng ý với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà, không có ý kiến bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Trần Diễm T và ông Nguyễn Trí N, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Trần Diễm T và ông Nguyễn Trí N còn trong hạn luật định và đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính nên Hội đồng xét xử xem xét lại bản án hành chính sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Trần Diễm T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trí N, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T có mặt; người bị kiện Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện là đúng quy định pháp luật.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính và thời hiệu khởi kiện như cấp sơ thẩm nhận định là đúng quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Trong quá trình tố tụng bà Trần Diễm T có đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký trên “Đơn xin sử dụng môi trường chăn nuôi” có phải của ông Nguyễn Văn N1 (cha chồng bà T) không và “Biên bản trao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính” ngày 18/3/2013 có phải của ông Nguyễn Trí N (là chồng bà T) không. Xét thấy, căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của bà T và nội dung kháng cáo của bà T và ông N, cấp phúc chỉ xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định hành chính và hành vi hành chính bị kiện nên yêu cầu giám định của bà T là không cần thiết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của bà T.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Trần Diễm T và ông Nguyễn Trí N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy Công văn số 05/CVTL – UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N và buộc Ủy ban nhân dân thị trấn N thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật (thực hiện xác nhận đúng nguồn gốc đất cho bà T, để bà T làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bà đã yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn N xác nhận), thấy rằng:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định hành chính là Công văn số 05/CVTL – UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N về việc xác nhận nguồn gốc đất của bà T, ông N (Bút lục số 12)

[2.1.1] Về nguồn gốc đất:

Theo lời trình bày của bà Trần Diễm T: Bà và chồng bà là ông Nguyễn Trí N có phần đất diện tích đất 530,5m² thuộc thửa số 29, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nguồn gốc đất là do ông Nguyễn Trí N nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tấn C vào ngày 29/8/1995. Lúc thực hiện giao dịch chuyển nhượng hai bên có lập tờ sang nhượng đất thổ cư vĩnh viễn, có xác nhận của trưởng ấp T cùng 02 người hàng xóm, có chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N là ông Trần Quốc K vào ngày 24/11/1995. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà và ông N sử dụng diện tích đất nêu trên cho đến nay, do bận việc làm ăn, buôn bán và dạy học nên gia đình bà chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. Từ năm 2018 đến năm 2023, gia đình bà đã nhiều lần liên hệ Ủy ban nhân dân thị trấn N làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất trên nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn N không giải quyết xác nhận nguồn gốc đất của bà.

Theo lời trình bày của người bị kiện: Thửa đất mà hiện nay ông Nguyễn Trí N và bà Trần Diễm T xin kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là nằm trên kênh rạch thuộc đất công do Nhà nước quản lý từ trước năm 1975. Ông N và bà T kê khai nguồn gốc đất không đúng thực tế, do phần đất này là đất công Nhà nước quản lý. Đồng thời công chức địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn N cũng đã nhiều lần hướng dẫn, đề nghị ông N và bà T kê khai nguồn gốc đất đúng thực tế để Ủy ban nhân dân thị trấn N có cơ sở xác nhận hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T và ông N đúng quy định pháp luật nhưng ông N và bà T không thực hiện đúng theo hướng dẫn.

[2.1.2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ nhận định như sau:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà T xác định vào năm 1995 vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tấn C phần đất diện tích 750m² thuộc thửa đất số 510, tờ bản đồ số 02, đất tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn C theo Quyết định số 525/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện H ký ngày 27/8/1997). Vợ chồng bà T quản lý, sử dụng đến năm 2007 được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nhận chuyển nhượng của ông C diện tích 316,9m², thửa đất số 30, tờ bản đồ số 39 (thửa đất số 510, tờ bản đồ số 02 cũ). Như vậy, căn cứ vào Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn C và ông Nguyễn Trí N (Bút lục số 62-69) thì phần đất bà T và ông N nhận chuyển nhượng của ông C là thửa 510 diện 750m² và hiện nay bà T, ông N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 316,9m², tại thửa đất số 30 (thửa 510 cũ) có sự chênh lệch diện tích là do năm 1997 Nhà nước cấp theo bản đồ không ảnh, cấp đại trà theo sự kê khai của người dân và khi ông N, bà T nhận chuyển nhượng không có đo đạc thực tế, đến năm 2007 ông N, bà T kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ chính quy có đo đạc thực tế thửa đất nên diện tích giảm hơn so với thời điểm nhận chuyển nhượng.

[2.1.3] Căn cứ phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18/01/2021 có sự xác nhận của bà Trần Diễm T và ông Nguyễn Trí N (Bút lục số 08, 09), thể hiện phần đất hiện nay bà Trần Diễm T và ông Nguyễn Trí N đang quản lý, sử dụng có diện tích 530,5 m², thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 39, địa chỉ đất tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Tại phần phụ chú kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc xác định: Trên hồ sơ địa chính thị trấn N thành lập năm 1993 thì thửa đất số 29, diện tích 530,5 m² nằm trên phần kênh giáp Sông N và liền kề thửa số 510, tờ bản đồ số 02 (thể hiện trên bản đồ địa chính thị trấn N thành lập năm 1993). Trên hồ sơ địa chính thị trấn N thành lập năm 2006 thì thửa đất số 29, diện tích 530,5 m² do ông Nguyễn Trí N đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

[2.1.4] Như vậy, ông N nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Tấn C là phần đất nằm tại thửa số 510, tờ bản đồ số 02 là phần đất nằm liền kề với thửa số 29, tờ bản đồ số 39 mà hiện nay ông N, bà T đang quản lý, sử dụng và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần đất tại thửa 510, tờ bản đồ số 02 thì ông N và bà T đã kê khai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nay là thửa số 30 tờ bản đồ số 39 không liên quan đến phần đất này.

[2.1.5] Đối chiếu với nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn N tại Văn bản hành chính số 05/CVTL – UBND ngày 11/8/2023 có nội dung thể hiện: Về nguồn gốc đất: Phần đất này là nằm trên kênh rạch thuộc đất công do Nhà nước quản lý từ trước năm 1975. Đến ngày 24/11/1995, ông Nguyễn Văn N1 là cha ruột ông Nguyễn Trí N có đơn mượn sử dụng môi trường chăn nuôi và được ông Trần Quốc K thời điểm này giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N ký vào đơn chấp thuận cho phép ông Nguyễn Văn N1 mượn một hầm nuôi cá trong rạch Cầu Kè (thửa đất mà hiện nay ông Nguyễn Trí N và bà Trần Diễm T xin kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Khi nào Nhà trường có nhu cầu cần xây dựng thì phải giao trả lại cho Nhà nước.

[2.1.6] Mặt khác, Căn cứ biên bản xác minh ngày 07/4/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H về việc xác minh nguồn gốc thửa đất xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Trí N tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 39 (Bút lục số 114, 115) thể hiện nội dung như sau: *Theo lời trình bày của ông Trần Quốc K nguyên là Chủ tịch thị trấn N vào năm 1995. Vị trí đất nêu trên trước đây thuộc đoạn rạch Cầu Kè do Nhà nước có chủ trương làm lộ nên đắp chắn ngang một đoạn rạch và mở đường ra mới hiện nay là tại vị trí cầu cầu kè. Vì là đoạn rạch cùng không sử dụng vào mục đích giao thông, vị trí giáp với đất của ông Nguyễn Trí N nên vào năm 1995 ông Nguyễn Văn N1 là cha của ông Nguyễn Trí N có làm đơn xin mượn đoạn rạch này cho ông Nguyễn Trí N sử dụng vào mục đích nuôi tôm cá và khi nào cần sử dụng vào mục đích chung sẵn sàng giao lại.*

[2.1.7] Tại biên bản xác minh ngày 12/8/2024 của Tòa án, ông Trần Quốc K nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N xác nhận: Vào ngày 24/11/1995, ông có ký xác nhận đơn xin sử dụng môi trường chăn nuôi ngày 09/11/1995 của ông Nguyễn Văn N1 (là cha ruột của ông Nguyễn Trí N) mượn

một phần đất thuộc kênh rạch thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thị trấn N để chăn nuôi cá, cải thiện cuộc sống với điều kiện sau này nếu Ủy ban có nhu cầu sử dụng vào mục đích chung thì ông N1 sẵn sàng giao lại cho Ủy ban nhân dân thị trấn N (Bút lục số A)

[2.1.8] Ngoài ra, căn cứ vào hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính năm 2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn N thể hiện: Tại Biên bản vi phạm hành chính ngày 14/3/2013 (Bút lục số 100) xác định ông Nguyễn Trí N đã có hành vi lấn chiếm phần đất ao, địa (đất phi nông nghiệp) thuộc quỹ đất do Ủy ban nhân dân thị trấn N đang quản lý, diện tích 27,5m², giáp thửa đất số 30, tờ bản đồ số 39 thuộc quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Trí N. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 53/QĐ-XPHC ngày 18/3/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn N đã xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Trí N đã có hành vi vi phạm pháp luật đất đai lấn, chiếm sử dụng xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ của gia đình trên phần đất ao địa thuộc quỹ đất công do Ủy ban nhân dân thị trấn N đang quản lý (*tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 39 giáp với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 39 thuộc quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Trí N*). Ngoài ra, tại biên bản trao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Bút lục số 101) thì ông N đã có ý kiến thừa nhận phần đất ông xây dựng nhà là của Ủy ban nhân dân thị trấn N đang quản lý, việc ông N thực hiện xây dựng nhà là của Ủy ban nhân dân thị trấn N quản lý và xin cho tồn tại công trình như hiện trạng khi nào Ủy ban nhân dân thị trấn T4 sẽ trả lại. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên hiện nay ông N đã thi hành xong và không có khiếu nại.

[2.1.9] Như vậy, nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn N tại Công văn số 05/CVTL-UBND ngày 11/8/2023 là phù hợp và có căn cứ vì các phần đất này không thuộc quyền sử dụng đất được cấp cho bà T và ông N mà phần đất này nằm trên kênh rạch thuộc đất công do Nhà nước quản lý từ trước năm 1975. Ông N và bà T kê khai nguồn gốc đất không đúng thực tế, do phần đất này là đất công Nhà nước quản lý. Đồng thời công chức địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn N cũng đã nhiều lần hướng dẫn, đề nghị ông N và bà T kê khai nguồn gốc đất đúng thực tế để Ủy ban nhân dân thị trấn N có cơ sở xác nhận hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T và ông N đúng quy định pháp luật nhưng ông N và bà T không thực hiện đúng theo hướng dẫn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 141 của Luật đất đai năm 2013: “Đất bãi bồi ven sông, ven biển thuộc địa phận xã, phường, thị trấn nào thì do Ủy ban nhân dân cấp xã đó quản lý”, tuy Điều luật này không có ghi từ “ven rạch” nhưng rạch vốn là một nhánh nhỏ của sông và đất sông, ngòi, kênh, rạch được quy định chung là nhóm đất phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật đất đai năm 2013 và theo quy định tại Điều 163 của Luật đất đai năm 2013 thì đất sông, ngòi, kênh, rạch do Nhà nước quản lý.

[2.1.10] Xét thấy Công văn số 05/CVTL – UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N về thẩm quyền ban hành, trình tự thủ tục và nội dung là đúng quy định như cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T và ông N.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T bổ sung yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 53/QĐ-XPHC ngày 18/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N. Xét thấy, nội dung yêu cầu này của bà T là vượt quá phạm vi khởi kiện, kháng cáo ban đầu; đồng thời, cấp sơ thẩm chưa thụ lý xem xét giải quyết nên căn cứ phạm vi xét xử cấp phúc thẩm không thể đặt ra xem xét. Căn cứ khoản 2 Điều 218 của Luật Tổ tụng hành chính quy định việc thay đổi, bổ sung kháng cáo của đương sự không được vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc bổ sung nội dung kháng cáo này của bà T.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T, ông N; không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T; Kiểm sát viên đề nghị bác kháng cáo của bà T, ông N, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các phần khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của bà T, ông N không được Tòa án chấp nhận nên bà T và ông N cùng phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của bà Trần Diễm T và ông Nguyễn Trí N; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 10, 11, 141, 163 của Luật Đất đai năm 2013 các Điều 3, 60, 70 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Diễm T về việc yêu cầu hủy Công văn số 05/CVTL – UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N và buộc Ủy ban nhân dân thị trấn N thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật (thực hiện xác nhận đúng nguồn gốc đất cho bà T, để bà T làm thủ tục

công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bà đã yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn N xác nhận).

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Buộc bà Trần Diễm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Trần Diễm T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007514 ngày 19/02/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Buộc bà Trần Diễm T và ông Nguyễn Trí N cùng phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà T, ông N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007838 ngày 05/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: HSVA, THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Anh